

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 144/2023/HNGĐ-ST

Ngày 27-9-2023

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Tú Nhi.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: ông Trần Trọng An- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Trương Thị T, sinh năm 1984; thường trú: xóm N, xã Đ, huyện T, tỉnh N. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* ông Nguyễn Lê M, sinh năm 1986; tạm trú: 151/4B, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Trương Thị K, sinh năm 1959; thường trú: xóm N, xã Đ, huyện T, tỉnh N. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 7 năm 2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trương Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông M tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 6 năm 2006 tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh N (số đăng ký

20, quyển số 2006). Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống và làm việc tại thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng trong quan điểm sống chủ yếu về cách chi tiêu trong gia đình, quan điểm nuôi dạy con chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống gia đình ngày càng căng thẳng. Hai vợ chồng sống chung nhà nhưng không tìm được tiếng nói chung nên không nói chuyện với nhau. Nay xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bà T yêu cầu được ly hôn với ông M.

Về con chung: bà T và ông M có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 25/11/2007 và Nguyễn Thị O, sinh ngày 21/4/2013. Hiện nay chị đang gửi các con cho bà ngoại là bà Trương Thị K ở Nghệ An tạm thời chăm sóc. Sau khi ly hôn, bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi các con.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Nguyễn Lê M:* Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập ông M để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa vào ngày 08/9/2023, 27/9/2023 nhưng ông M vắng mặt không có lý do. Ông M không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị K:* Hiện bà đang chăm sóc cháu ngoại là Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 25/11/2007 và Nguyễn Thị O sinh ngày 21/4/2013. Khi có quyết định của Tòa án giao các cháu cho bố, mẹ thì bà sẽ giao theo quyết định của Tòa án.

- *Biên bản xác minh ngày 25/7/2023 tại Ủy ban nhân dân phường An Bình, thành phố Dĩ An thể hiện:* Hội liên hiệp phụ nữ phường An Bình không nhận được đơn yêu cầu hòa giải cơ sở về quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông M. Đồng thời Hội liên hiệp phụ nữ cũng không nhận được phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung của hai ông bà nên không rõ. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Lê M đã được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào ngày 08/9/2023, 27/9/2023 nhưng ông M vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn bà Trương Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị K có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20, ngày 09/6/2006 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh N nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà T xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về kinh tế, chăm sóc nuôi dạy các con. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên dù còn sống chung nhưng không có sự hòa hợp, chia sẻ, M ai nấy sống. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Quá trình tố tụng, Tòa án mở phiên hòa giải để hòa giải quan hệ hôn nhân cho ông bà nhưng ông M vắng mặt không có lý do, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà T. Bà T cũng có đơn từ chối hòa giải. Như vậy chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông M không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: bà T khai vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 25/11/2007 và Nguyễn Thị O sinh ngày 21/4/2013. Hiện bà đang tạm thời giao các con cho bà ngoại chăm sóc. Bà T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các con. Quá trình tố tụng, ông M không đưa ra ý kiến về vấn đề con chung cũng như không phản đối yêu cầu của bà T về vấn đề con chung. Bà Trương Thị K cũng có ý kiến thống nhất nếu Tòa án giao cháu cho ai thì bà sẽ thực hiện theo quyết định của Tòa án. Việc tiếp tục giao các con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các con chung, đảm bảo việc phát triển bình thường, ổn định của con chưa thành niên, đồng thời phù hợp với mức thu nhập bà T khai là khoảng 11.000.000 đồng/tháng. Do đó căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà T về con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: bà T tự nguyện không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An Dĩ An là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị T đối với bị đơn ông Nguyễn Lê M về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Trương Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Lê M (Giấy chứng nhận kết hôn số 20, ngày 09/6/2006 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh N cấp).

- Về con chung: ông Nguyễn Lê M giao con chung là Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 25/11/2007 và Nguyễn Thị O sinh ngày 21/4/2013 cho bà Trương Thị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, bà T và ông M đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trương Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006709 ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND xã Nam Sơn,
huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngân